

293	HSO268690053218	010005	Nguyễn Thị Phúc An	18/08/2011	Trường THCS Tân Trung	Toán học	4.75	8.50	6.75	5.75		10	9.9	31.50
294	HSO268690048948	010072	Đỗ Mai Ngân	11/06/2011	Trường THCS Bình Thành	Toán học	6.25	7.25	6.25	5.75		10	9.6	31.25
295	HSO268690049906	010085	Võ Thanh Hồng Ngọc	27/01/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	5.75	8.75	7.25	4.75		9.8	9.8	31.25
296	HSO268690071528	010027	Nguyễn Thùy Dương	22/07/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	5.25	7.00	10.00	4.50		9.6	9.8	31.25
297	HSO268690073310	010096	Trần Huỳnh Như	27/05/2011	Trường THCS Sơn Đông	Toán học	7.50	7.50	9.25	3.50		9.9	9.8	31.25
298	HSO268690062974	010063	Nguyễn Hoàng Minh	27/01/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	5.50	7.25	6.75	5.75		9.7	9.8	31.00
299	HSO268690073133	010104	Nguyễn Gia Phúc	26/11/2011	TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CHỢ LÁ	Toán học	4.50	8.25	7.25	5.25		9.9	9.3	30.50
300	HSO268690055908	010110	Phạm Trọng Thạch	26/09/2011	Trường THCS Huỳnh Tấn Phát	Toán học	5.50	8.25	6.25	5.25		9.8	9.5	30.50
301	HSO268690070511	010066	Trịnh Quang Minh	21/02/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	6.25	7.00	8.75	4.25		9.3	9.6	30.50
302	HSO268690063234	010057	Huỳnh Tuấn Kiệt	19/10/2011	Trường THCS Mỹ Hóa	Toán học	6.50	8.25	8.25	3.75	TT04	9.9	9.6	30.50
303	HSO268690074259	010047	Phạm Phúc Khang	29/07/2011	Trường THCS Nguyễn Văn Tư	Toán học	6.00	8.25	7.00	4.50		10	9.9	30.25
304	HSO268690061242	010003	Lê Nhựt An	17/12/2011	Trường THCS Tân Thạch	Toán học	5.75	6.50	9.00	4.50		9.6	9.6	30.25
305	HSO268690062887	010026	Nguyễn Thị Thùy Dương	09/04/2011	Trường Trung học cơ sở Thạnh Phú Đông	Toán học	6.50	8.00	5.50	5.00		9.7	9.4	30.00
306	HSO268690063133	010124	Lê Nguyễn Đức Trí	20/02/2011	Trường Trung học cơ sở Định Hòa	Toán học	5.50	7.50	8.00	4.50		10	9.8	30.00
307	HSO268690083548	010074	Nguyễn Thị Bảo Ngân	02/04/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	5.75	7.75	9.00	3.75		9.5	9.7	30.00
308	HSO268690087746	010113	Nguyễn Chí Thiện	02/10/2011	THCS Đặng Thị Hai	Toán học	4.00	8.25	7.00	5.25		10	9.6	29.75
309	HSO268690048923	010043	Đoàn Nguyễn Vĩnh Khang	19/12/2011	Trường THCS Ba Tri	Toán học	5.25	8.50	7.00	4.50		9.8	9.5	29.75
310	HSO268690065864	010180	Đỗ Ngọc Nguyễn Nhi	20/02/2011	Trường THCS Bến Tre	Vật lý	6.25	8.00	9.00	9.00	TT02	9.9	9.9	41.25
311	HSO268690074776	010176	Nguyễn Vĩnh Nguyên	08/08/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Vật lý	7.50	7.25	9.25	8.25		9.7	9.5	40.50
312	HSO268690053174	010173	Võ Nguyễn Như Ngọc	12/02/2011	Trường THCS Ba Tri	Vật lý	5.75	8.50	10.00	7.25		10	9.8	38.75
313	HSO268690049990	010182	Trần Gia Phát	19/12/2011	Trường THCS Bến Tre	Vật lý	6.50	8.00	8.50	7.50	TT03	10	9.8	38.00
314	HSO268690068824	010200	Trần Ngọc Đông Trúc	09/10/2011	Trường THCS Bến Tre	Vật lý	7.00	7.50	9.00	6.75		10	9.8	37.00
315	HSO268690055573	010195	Huỳnh Gia Nhật Tiến	11/07/2011	Trường THCS Ta Minh Khâm	Vật lý	5.00	7.50	8.00	8.00		9.9	9.7	36.50
316	HSO268690090215	010183	Nguyễn Thành Phong	05/10/2011	Trường PT Hermann Gmeiner Bến Tre	Vật lý	6.75	7.25	8.50	7.00	TT02	9.4	9.4	36.50
317	HSO268690088138	010178	Phan Gia Nguyễn	15/08/2011	Trường THCS Tiên Thủy	Vật lý	5.75	7.75	8.75	7.00		9.9	9.6	36.25
318	HSO268690090973	010144	Trần Gia Bảo	10/05/2011	Trường PT Hermann Gmeiner Bến Tre	Vật lý	5.25	6.75	8.75	7.25		9.1	9.4	35.25
319	HSO268690070448	010159	Trần Minh Khôi	13/06/2011	Trường THCS Bến Tre	Vật lý	4.25	7.75	7.00	8.00	TT04	9.8	9.7	35.00
320	HSO268690048890	010152	Lê Huỳnh Gia Huy	03/11/2011	Trường THCS Vĩnh Thành	Vật lý	5.25	6.00	8.25	7.75	TT04	10	9.7	35.00
321	HSO268690070994	010166	Nguyễn Ngọc Thảo My	28/05/2011	Trường THCS Tiên Thủy	Vật lý	5.75	8.00	9.25	6.00		9.6	9.6	35.00
322	HSO268690051113	010160	Vũ Quốc Anh Khôi	08/06/2011	Trường Trung học cơ sở Tam Phước	Vật lý	5.50	6.50	7.25	7.50		10	9.7	34.25
323	HSO268690054876	010198	Thái Doãn Triết	08/06/2011	Trường THCS Bến Tre	Vật lý	5.25	7.50	8.25	6.50		9.6	9.8	34.00
324	HSO268690052907	010158	Ta Ngọc Bảo Khánh	10/08/2011	Trường THCS Bến Tre	Vật lý	6.25	6.25	8.00	6.50		9.9	9.8	33.50
325	HSO268690057406	010148	Đinh Gia Hân	13/05/2011	Trường PT Hermann Gmeiner Bến Tre	Vật lý	4.75	7.75	9.50	5.75		9.4	9.6	33.50
326	HSO268690062936	010163	Nguyễn Phương Lam	16/03/2011	Trường THCS Ta Minh Khâm	Vật lý	3.75	5.75	9.25	7.25		9.7	9.6	33.25
327	HSO268690070811	010155	Nguyễn Ánh Vĩnh Khang	11/08/2011	Trường THCS Bến Tre	Vật lý	7.00	5.50	8.75	6.00	TT04	9.8	9.7	33.25
328	HSO268690092267	010157	Lê Đăng Khanh	28/03/2011	Trường PT Hermann Gmeiner Bến Tre	Vật lý	5.00	7.75	3.75	8.00	TT03	9.1	9.2	32.50
329	HSO268690050167	010149	Huỳnh Ngọc Khả Hân	21/09/2011	Trường THCS Phú Hưng	Vật lý	7.25	6.75	7.00	5.75		9.9	9.7	32.50

330	HSO268690057534	010190	Phạm Trần Huỳnh Thảo	14/12/2011	Trường trung học cơ sở Lương Quới	Vật lý	5.00	5.50	8.25	6.75		9.6	9.6	32.25
331	HSO268690054057	010193	Nguyễn Tuấn Thịnh	17/10/2011	Trường THCS Tân Thạch	Vật lý	5.25	8.50	8.00	5.25		9.9	9.8	32.25
332	HSO268690056391	010161	Nguyễn Thiên Kim	29/06/2011	Trường trung học cơ sở Lương Quới	Vật lý	5.00	8.25	9.00	4.75		9.6	9.8	31.75
333	HSO268690052468	010172	Nguyễn Văn Hiếu Nghĩa	01/09/2011	Trường THCS Bến Tre	Vật lý	6.00	7.25	4.50	6.75		9.4	9.5	31.25
334	HSO268690061266	010146	Nguyễn Vũ Hải	15/08/2011	Trường THCS Bến Tre	Vật lý	5.50	6.00	7.25	6.25	TT04	9.6	9.7	31.25
335	HSO268690092386	010186	Nguyễn Trần Minh Quân	04/12/2011	Trường THCS Bến Tre	Vật lý	5.75	5.00	7.00	6.50	TT04	9.9	9.7	30.75
336	HSO268690050663	010145	Nguyễn Lâm Việt Đức	17/06/2011	Trường Trung học cơ sở Tam Phước	Vật lý	7.00	6.00	9.25	4.25		10	9.8	30.75
337	HSO268690092049	010164	Phan Võ Gia Lộc	22/09/2011	Trường THCS Bến Tre	Vật lý	4.25	7.25	7.75	5.25		9.5	9.6	29.75
338	HSO268690061581	010202	Lê Đặng Tường Vy	30/01/2011	Trường THCS Nguyễn Văn Xiêu	Vật lý	5.25	6.00	6.25	6.00		9.8	9.9	29.50
339	HSO268690074953	010196	Tạ Hoàng Tiến	27/11/2011	Trường THCS Bến Tre	Vật lý	7.00	4.75	8.75	4.50		9.8	9.6	29.50
340	HSO268690074217	010187	Phan Minh Quân	15/07/2011	Trường THCS Bến Tre	Vật lý	6.25	7.50	7.50	4.00		9.8	9.7	29.25
341	HSO268690079984	010169	Châu Nguyễn Bảo Ngân	15/06/2011	Trường THCS Tân Thạch	Vật lý	6.50	6.25	8.75	3.75		9.9	9.7	29.00
342	HSO268690074766	010185	Lê Huỳnh Thiên Phương	13/03/2011	Trường THCS Bến Tre	Vật lý	4.50	5.50	6.25	6.00		9.6	9.6	28.25
343	HSO268690074619	010201	Trần Ngọc Cát Tường	18/08/2011	Trường THCS Bến Tre	Vật lý	5.75	5.00	8.50	4.50		9.7	9.5	28.25
344	HSO268690061125	010147	Võ Hoàng Gia Hạo	10/10/2011	Trường PT Hermann Gmeiner Bến Tre	Vật lý	5.00	4.00	8.25	5.25		9.4	9.6	27.75
345	HSO268690062320	010519	Nguyễn Ngọc Thái Anh	06/12/2011	Trường THCS Phú Hưng	Địa lý	8.00	7.50	9.25	10.00	TT01	10	9.9	44.75
346	HSO268690074000	010527	Trần Thị Thảo Ngân	12/07/2011	Trường THCS Phong Năm	Địa lý	5.75	8.50	9.25	9.25	TT01	10	10	42.00
347	HSO268690090977	010520	Đỗ Ngọc Minh Châu	27/08/2011	Trường THCS Tân Thạch	Địa lý	6.50	6.00	8.50	8.00		10	9.7	37.00
348	HSO268690053853	010535	Nguyễn Huỳnh Thanh	17/09/2011	Trường THCS Mỹ Hóa	Địa lý	5.25	6.00	7.00	8.75	TT02	9.9	9.5	35.75
349	HSO268690074505	010530	Nguyễn Phúc Nguyên	30/04/2011	Trường THCS Bến Tre	Địa lý	7.25	6.00	7.25	7.00	TT02	9.9	9.8	34.50
350	HSO268690060654	010522	Trần Lê Vĩnh Khang	04/05/2011	Trường THCS Mỹ Hóa	Địa lý	5.75	5.00	7.50	6.75	TT03	9.9	9.5	31.75
351	HSO268690060322	010518	Lê Thị Như Anh	30/04/2011	Trường THCS Phong Năm	Địa lý	5.50	5.00	6.00	7.50	TT03	9.8	9.6	31.50
352	HSO268690052121	010538	Nguyễn Hồng Minh Thư	06/10/2011	Trường THCS Bến Tre	Địa lý	6.50	4.75	8.00	5.25		9.7	9.4	29.75
353	HSO268690067925	010539	Nguyễn Võ Minh Thư	22/10/2011	Trường THCS Bến Tre	Địa lý	6.50	5.25	6.25	5.75	TT03	9.8	9.5	29.50
354	HSO268690053862	010536	Diệp Hữu Thiện	12/05/2011	Trường THCS Mỹ Hóa	Địa lý	6.25	4.00	4.50	7.25	TT03	9.9	9.3	29.25
355	HSO268690055800	010524	Huỳnh Nam Khôi	23/07/2011	Trường THCS Bến Tre	Địa lý	5.75	3.25	9.00	4.75		9.9	9.5	27.50
356	HSO268690065163	010532	Lê Tú Quyên	25/03/2011	Trường THCS Phú Hưng	Địa lý	6.75	4.50	6.00	5.00		9.4	9.4	27.25
357	HSO268690075632	010543	Bùi Ngọc Như Ý	24/09/2011	Trường THCS Bến Tre	Địa lý	6.00	5.00	8.25	3.50	TT04	9.8	9.5	26.25
358	HSO268690050235	010531	Nguyễn Gia Phúc	01/01/2011	Trường THCS Bến Tre	Địa lý	6.25	5.00	6.25	4.25		10	9.4	26.00
359	HSO268690054277	010534	Trần Tấn Thành	28/06/2011	Trường THCS Tân Trung	Địa lý	4.75	4.50	5.25	5.50		9.9	9.7	25.50
360	HSO268690071499	010525	Phùng Thiên Kim	14/09/2011	Trường THCS Bến Tre	Địa lý	4.25	3.50	6.75	5.50		9.8	9.3	25.50
361	HSO268690053748	010533	Nguyễn Phương Quỳnh	29/12/2011	Trường THCS Thừa Đức	Địa lý	5.25	3.25	6.00	5.25		9.8	9.6	25.00
362	HSO268690073247	010521	Lương Gia Huy	09/03/2011	Trường THCS Phú Hưng	Địa lý	5.75	3.50	5.50	4.50	TT04	9.7	9.3	23.75
363	HSO268690072508	010529	Lê Như Ngọc	11/10/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Địa lý	5.50	3.00	7.25	3.75		9.5	9.1	23.25
364	HSO268690059313	010541	Lê Thị Thảo Vy	27/11/2011	Trường THCS Bến Tre	Địa lý	6.50	4.00	5.75	3.50		9.8	9.5	23.25
365	HSO268690061684	010540	Nguyễn Đức Trí	13/07/2011	Trường THCS Bến Tre	Địa lý	5.75	4.25	6.25	3.50		9.8	9.5	23.25
366	HSO268690063379	010523	Cao Huỳnh Minh Khôi	22/02/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Địa lý	5.75	3.00	5.50	4.25	TT04	10	9.3	22.75